

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CỬU LONG AN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 46
8. Phụ lục 01	47
9. Phụ lục 02	48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600680398 (số cũ là 5203000065), đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 90 Hùng Vương, khóm Mỹ Thọ, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Điện thoại : (076) 3.931.000 – 3.932.821
- Fax : (076) 3.932.446

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Mua bán thực phẩm (đậu nành, đậu bắp, rau quả,... đông lạnh); Mua bán nông sản (nếp, gạo, hạt điều,...); Mua bán hóa chất, dụng cụ dùng trong sản xuất và chế biến thủy sản; Mua bán các loại nguyên liệu, vật tư trong ngành bao bì; Mua bán nguyên liệu, vật tư phục vụ chăn nuôi thủy sản (cám bã đậu nành, bột cá, bột xương thịt, vitamin); Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc; Sản xuất bao bì; Cho thuê kho lạnh; Đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch, khách sạn, cao ốc văn phòng; Hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động); Đầu tư thực hiện việc sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (tuân thủ pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động).

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch	Ngày 07 tháng 6 năm 2010
2. Ông Trần Văn Nhân	Thành viên	Ngày 07 tháng 6 năm 2010
3. Ông Trần Tuấn Khanh	Thành viên	Ngày 09 tháng 4 năm 2007
4. Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên	Ngày 17 tháng 4 năm 2015
5. Ông Huỳnh Lâm	Thành viên	Ngày 17 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Ông Phù Chí Khai	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 7 năm 2014
2. Ông Nguyễn Tấn Tới	Thành viên	Ngày 09 tháng 4 năm 2007
3. Bà Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên	Ngày 31 tháng 3 năm 2008

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Bà Trần Thị Vân Loan	Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 11 năm 2007
2. Ông Trần Tuấn Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 18 tháng 10 năm 2007
3. Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 3 năm 2013
4. Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 3 năm 2015



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thị Vân Loan – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 07 tháng 6 năm 2010).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

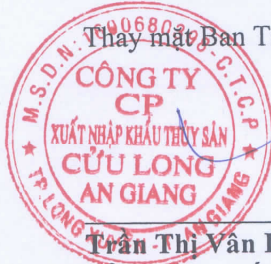
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

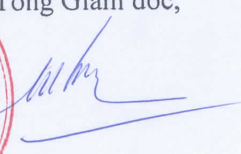
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,




Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2016



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khánh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0846/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 7 năm 2016, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

Nguyễn Thị Bé Ghí - Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán: 2646-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		890.956.159.521	825.497.609.169
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	46.602.361.102	45.715.575.206
1. Tiền	111		46.602.361.102	45.715.575.206
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.277.189.400	290.849.165.255
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	253.345.391.694	269.591.280.610
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.181.405.946	30.687.959.073
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	- 4498
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.087.419.379	2.972.485.569
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(12.337.027.619)	(12.402.559.997)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		531.349.998.806	449.918.224.544
1. Hàng tồn kho	141	V.7	531.349.998.806	449.918.224.544
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.726.610.213	39.014.644.164
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.130.710.182	490.930.173
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.911.708.662	38.005.118.923
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	684.191.369	518.595.068
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		392.890.471.060	384.227.008.501
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		244.970.000	246.950.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	244.970.000	246.950.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		348.996.719.615	344.841.489.893
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	288.477.367.724	283.304.950.460
- Nguyên giá	222		476.345.758.299	452.017.179.332
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(187.868.390.575)	(168.712.228.872)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	60.519.351.891	61.536.539.433
- Nguyên giá	228		72.582.041.278	72.582.041.278
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.062.689.387)	(11.045.501.845)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		34.475.062.701	33.773.526.705
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	34.475.062.701	33.773.526.705
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.596.463.043	1.621.557.111
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	3.600.000.000	3.600.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(2.003.536.957)	(1.978.442.889)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.577.255.701	3.743.484.792
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	7.042.672.048	3.187.094.625
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	534.583.653	556.390.167
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.283.846.630.581	1.209.724.617.670

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		944.655.758.306	909.403.298.427
I. Nợ ngắn hạn	310		889.514.155.379	821.173.311.333
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	31.844.799.490	47.162.759.450
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	13.829.779.460	6.378.303.745
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	15.011.020	547.412.883
4. Phải trả người lao động	314	V.16	9.196.150.471	12.986.558.494
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.845.654.503	6.396.468.592
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2.853.557.878	2.478.888.559
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	825.828.458.430	742.027.788.483
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.100.744.127	3.195.131.127
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		55.141.602.927	88.229.987.094
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	55.141.602.927	88.229.987.094
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		339.190.872.275	300.321.319.243
I. Vốn chủ sở hữu	410		339.190.872.275	300.321.319.243
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a	227.996.750.000	183.996.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		227.996.750.000	183.996.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	15.520.224.200	19.920.224.200
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	14.474.464.592	14.474.464.592
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	81.199.433.483	81.929.880.451
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70.890.075.451	81.929.880.451
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.309.358.032	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.283.846.630.581	1.209.724.617.670

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2016

 Trương Minh Duy
 Người lập biểu

 Trương Minh Duy
 Kế toán trưởng

 Trần Thị Vân Loan
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

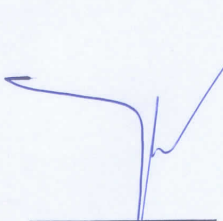
(Dạng đầy đủ)

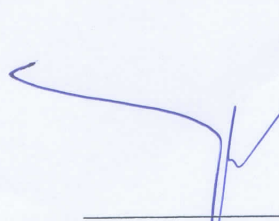
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	609.667.820.483	569.031.522.044
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.435.538.950	555.288.730
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		608.232.281.533	568.476.233.314
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	518.889.455.730	489.154.885.368
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89.342.825.803	79.321.347.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.770.759.180	2.748.991.069
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	30.413.111.933	20.358.365.844
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.015.450.897	15.124.066.842
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	33.994.864.972	33.585.214.411
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15.526.360.235	14.409.933.287
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.179.247.843	13.716.825.473
12. Thu nhập khác	31	VI.8	18.757.000	8.080
13. Chi phí khác	32	VI.9	697.995.658	652.144.286
14. Lợi nhuận khác	40		(679.238.658)	(652.136.206)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.500.009.185	13.064.689.267
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	168.844.639	117.037.306
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	21.806.514	33.329.190
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.309.358.032</u>	<u>12.914.322.771</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>10.309.358.032</u>	<u>12.914.322.771</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a	<u>560</u>	<u>702</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a	<u>560</u>	<u>702</u>

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2016


Trương Minh Duy
Người lập biểu


Trương Minh Duy
Kế toán trưởng


Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.500.009.185	13.064.689.267
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	20.173.349.245	16.498.953.722
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6	(40.438.310)	225.426.522
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	816.982.392	(110.282.728)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	28.015.450.897	15.124.066.842
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.465.353.409	44.802.853.625
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49.641.815.389	(5.044.577.807)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(81.431.774.262)	640.320.203
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(46.497.157.806)	(44.117.989.047)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.495.357.432)	2.434.246.978
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5, V.17	(28.069.151.949)	(15.076.055.806)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(871.863.784)	(266.724.846)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.292.801.686
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1.094.387.000)	(3.366.997.738)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(53.352.523.435)	(15.702.122.752)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(25.030.114.963)	(9.557.875.416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.030.114.963)	(9.557.875.416)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

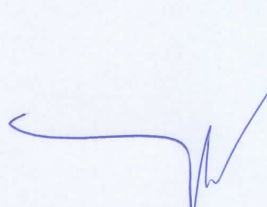
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

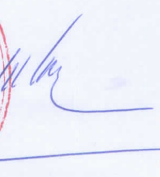
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	1.054.263.869.136	703.262.916.692
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(963.951.583.356)	(664.432.895.004)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22d	(11.039.805.000)	(9.199.837.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		79.272.480.780	29.630.184.188
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		889.842.382	4.370.186.020
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	45.715.575.206	28.785.124.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.056.486)	7.812.671
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	46.602.361.102	33.163.123.115

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2016


 Trương Minh Duy
 Người lập biểu


 Trương Minh Duy
 Kế toán trưởng




 Trần Thị Vân Loan
 Tổng Giám đốc

815-
 TY
 HỮU H
 TỬ VÀ
 C
 Ô CH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; Mua bán cá và thủy sản; Nuôi trồng thủy sản; Chế biến thức ăn thủy sản; Chế biến thức ăn gia súc.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á có trụ sở chính tại lô B, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, mua bán cá và thủy sản, dịch vụ gia công thủy sản. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 2.443 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.401 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá, do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

30044
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN V
A &
H-T.P.V

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của tập Đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, lắp đặt. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, lắp đặt

Chi phí sửa chữa, lắp đặt phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

04
ÔN
NH
10
A
4-T

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.387.126.584	2.275.943.429
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.215.234.518	43.439.631.777
Cộng	46.602.361.102	45.715.575.206

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Công ty Cổ phần Tô Châu ⁽ⁱ⁾	3.600.000.000	(2.003.536.957)	3.600.000.000	(1.978.442.889)
Cộng	3.600.000.000	(2.003.536.957)	3.600.000.000	(1.978.442.889)

- (i) Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu số 1/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ, mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu. Theo Công văn số 83/CLAG/08 ngày 27 tháng 05 năm 2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 03% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tô Châu.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.978.442.889	978.442.889
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	25.094.068	
Số cuối kỳ	2.003.536.957	978.442.889

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	458.500.000	174.000.000
Trần Tuấn Nam	458.500.000	174.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	252.886.891.694	269.417.280.610
Frigorifico Jahu LTDA	9.773.156.250	20.120.812.500
Grupo Almos S.A.DEC.V	16.097.919.750	14.478.229.500
Quwat Albahr For Trading	85.493.232.000	103.090.691.849
Shawaya House Co., Ltd	9.110.475.000	2.862.375.000
LLC Sata fish Co., Ltd	6.115.712.625	6.163.759.750
M. AL Nuaimi Foodstuff Trading L.L.C	12.834.855.000	8.110.511.500
Các khách hàng khác	113.461.541.069	114.590.900.511
Cộng	253.345.391.694	269.591.280.610

Một số công nợ phải thu có tổng giá trị ghi sổ là 220.175.407.596 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Trịnh Thị Hương	931.350.700	931.350.700
Chi nhánh Công ty Lương thực Angimex 1	390.500.000	19.890.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phát	195.636.550	6.719.834.350
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Thiên Lộc Phát	-	6.057.900.601
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Tuấn	15.178.240.000	13.280.960.000
Công ty TNHH Năng lượng Đình Việt	1.549.680.000	774.840.000
Các nhà cung cấp khác	1.935.998.696	2.903.183.422
Cộng	<u>20.181.405.946</u>	<u>30.687.959.073</u>

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tiền lãi ứng trước	619.430.200	-	619.430.200	-
Tạm ứng	2.012.251.949	-	1.843.587.122	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	97.572.074	-	98.338.633	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	358.165.156	29.527.000	411.129.614	-
Cộng	<u>3.087.419.379</u>	<u>29.527.000</u>	<u>2.972.485.569</u>	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<i>Các tổ chức khác</i>						
Alliance Seafood Group	Trên 3 năm	4.726.777.274	-	Trên 3 năm	4.414.241.128	-
Montkaura, S.L	Trên 3 năm	4.379.831.676	-	Trên 3 năm	4.763.912.450	-
Piau Kee Live & Frozen Seafood SDN	Trên 3 năm	2.469.852.000	-	Trên 3 năm	2.489.256.000	-
Phải thu các tổ chức khác	Trên 3 năm	1.379.996.869	619.430.200	Trên 3 năm	1.354.580.619	619.430.200
Cộng		<u>12.956.457.819</u>	<u>619.430.200</u>		<u>13.021.990.197</u>	<u>619.430.200</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	12.402.559.997	11.813.191.860
Trích lập dự phòng bổ sung	-	225.426.522
Hoàn nhập dự phòng	(65.532.378)	-
Số cuối kỳ	<u>12.337.027.619</u>	<u>12.038.618.382</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	62.014.335.536	-	31.149.919.736	-
Công cụ, dụng cụ	5.716.783.290	-	5.377.642.286	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	163.232.719.440	-	187.895.697.791	-
Thành phẩm	298.414.223.904	-	223.499.822.924	-
Hàng hóa	-	-	1.027.272.726	-
Hàng gửi đi bán	1.971.936.636	-	967.869.081	-
Cộng	531.349.998.806	-	449.918.224.544	-

Một số nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm tồn kho có tổng giá trị ghi sổ là 261.242.760.214 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19a).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	835.795.377	433.551.083
Chi phí sửa chữa	196.812.305	57.379.090
Chi phí cải tạo nền đường bê tông bờ kè	98.102.500	-
Cộng	1.130.710.182	490.930.173

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	2.514.973.974	1.477.132.140
Chi phí sửa chữa	2.170.671.019	845.383.569
Chi phí lắp đặt	2.171.872.341	813.851.459
Chi phí bảo trì, bảo dưỡng	112.159.076	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	72.995.638	50.727.457
Cộng	7.042.672.048	3.187.094.625

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	170.954.126.288	273.039.450.740	5.525.115.687	2.498.486.617	452.017.179.332
Mua trong kỳ	979.428.182	3.759.821.074	648.878.181	122.727.273	5.510.854.710
Xây dựng cơ bản hoàn thành	7.875.371.045	10.942.353.212	-	-	18.817.724.257
Số cuối kỳ	179.808.925.515	287.741.625.026	6.173.993.868	2.621.213.890	476.345.758.299
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.554.953.347	22.280.090.887	508.125.501	224.138.824	28.567.308.559

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	54.530.758.058	109.580.410.266	3.177.482.106	1.423.578.442	168.712.228.872
Khấu hao trong kỳ	6.210.745.573	12.438.124.603	320.825.508	186.466.019	19.156.161.703
Số cuối kỳ	60.741.503.631	122.018.534.869	3.498.307.614	1.610.044.461	187.868.390.575
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	116.423.368.230	163.459.040.474	2.347.633.581	1.074.908.175	283.304.950.460
Số cuối kỳ	119.067.421.884	165.723.090.157	2.675.686.254	1.011.169.429	288.477.367.724
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 166.680.718.414 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	72.264.241.278	317.800.000	72.582.041.278
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	72.264.241.278	317.800.000	72.582.041.278
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	10.934.085.168	111.416.677	11.045.501.845
Khấu hao trong kỳ	985.407.540	31.780.002	1.017.187.542
Số cuối kỳ	11.919.492.708	143.196.679	12.062.689.387
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	61.330.156.110	206.383.323	61.536.539.433
Số cuối kỳ	60.344.748.570	174.603.321	60.519.351.891
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 35.706.271.089 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền khai thác đất bãi bồi vùng nuôi Mỹ Hòa Hưng	1.744.787.500	-	-	-	1.744.787.500
- Nhà máy Thức ăn line 2	26.863.414.752	1.475.520.735	-	-	28.338.935.487
- Máy móc thiết bị kho lạnh	-	10.851.444.121	(10.851.444.121)	-	-
- Công trình kho lạnh 2.500T	-	6.805.314.545	(6.805.314.545)	-	-
- Các công trình khác	5.165.324.453	1.025.040.000	(1.160.965.591)	(638.059.148)	4.391.339.714
Cộng	33.773.526.705	20.157.319.401	(18.817.724.257)	(638.059.148)	34.475.062.701

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang Nhà máy Thức ăn line 2 để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.025.192.380	926.888.580
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	77.482.508
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(397.694.197)	22.397.454
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(92.914.530)	(409.060.424)
Số cuối kỳ	534.583.653	617.708.118

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại Công ty mẹ là 15% (kỳ trước thuế suất là 15%).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại Công ty con là 10% (kỳ trước thuế suất là 10%).

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	2.014.400.000
Công ty Cổ phần xuất Nhập khẩu Thủy sản Cửu Long	-	2.014.400.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	31.844.799.490	45.148.359.450
Lê Thị Ngọc Yến	5.305.160.905	-
Trần Phúc Dương	2.932.366.330	-
Công ty TNHH Behn Meyer Việt Nam	1.001.439.264	-
Công ty TNHH Minh phát Cà Mau	2.428.881.400	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Mê Kông	1.238.501.484	6.212.237.966
Công ty TNHH Chế biến Hải sản Xuất khẩu Khánh Hoàng	-	4.138.242.306
Các nhà cung cấp khác	18.938.450.107	34.797.879.178
Cộng	31.844.799.490	47.162.759.450

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	47.752.000	47.752.000
Trần Tuấn Khanh	47.752.000	47.752.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	13.782.027.460	6.330.551.745
Nguyễn Văn Thiện	729.715.929	1.031.782.707
Công ty TNHH Hòa Thuận Bình Long	-	2.000.000.000
Nguyễn Hoàng Vũ	7.761.773.000	-
Chongquyng Guanlei Shuichan Co., Ltd	1.064.591.000	826.211.000
Sanghai Bay Aquatic 1	1.103.461.240	1.103.461.240
Các khách hàng khác	3.122.486.291	1.369.096.798
Cộng	<u>13.829.779.460</u>	<u>6.378.303.745</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thành phẩm xuất khẩu	0%
Thành phẩm tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%
Dịch vụ	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chế biến thủy sản.

Năm 2013 Công ty đã đưa vào hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất 15% trong 12 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2016 là năm thứ 01 dự án được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2014 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2016 là năm thứ 01 dự án đầu tư mở rộng được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2015 Công ty đã đưa vào hoạt động hệ thống máy móc thiết bị, nhà xưởng chế biến thủy sản mới do đầu tư mở rộng, dự án được hưởng ưu đãi theo thuế suất hiện hành, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm. Năm 2016 là năm thứ 02 dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 52221000013 ngày 09 tháng 02 năm 2010 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh An Giang cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính với thuế suất 20% thu nhập tính thuế trong 10 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2016 là năm thứ ba Công ty được miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.133.101.336	8.837.523.464
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.383.241.108	7.148.058.394
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.908.822.577)	(6.601.505.461)
Thu nhập chịu thuế	11.607.519.867	9.384.076.397
Thu nhập được miễn thuế	(7.000.000.000)	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	4.607.519.867	9.384.076.397
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	691.127.980	1.407.611.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(345.563.990)	(1.407.611.460)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	345.563.990	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	(529.058.454)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	345.563.990	(529.058.454)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nguồn nước tự nhiên với mức 3.000 VND/m³ và 5.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất với mức 10.500 VND/m²/năm trên diện tích đất thuê là 28.271 m² tại Khu tiểu thủ công nghiệp Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 31.528,8 m² đất đang sử dụng tại Lô B, Khu công nghiệp Bình Long, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang với mức 0,45 USD/m²/năm theo quy định tại Điều 2 hợp đồng thuê đất số 11/HĐ.TĐ ngày 13 tháng 5 năm 2010. Giá tiền thuê được ổn định trong 05 năm kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2010 đến ngày 04 tháng 5 năm 2015, hết thời hạn này, giá tiền thuê đất được tính lại theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Tiền thuê đất được trả hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 6 năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí lưu kho	-	67.885.488
Chi phí lãi vay ngắn hạn	910.957.936	964.658.988
Chi phí cước tàu và phí chứng từ	746.237.510	2.916.624.895
Chi phí vận chuyển	1.909.215.234	1.776.628.148
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	279.243.823	670.671.073
Cộng	<u>3.845.654.503</u>	<u>6.396.468.592</u>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	44.695.264	44.695.264
Nguyễn Thị Ngọc Bích – lợi nhuận còn phải trả	44.695.264	44.695.264
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.808.862.614	2.434.193.295
Kinh phí công đoàn	2.102.918.644	1.881.989.287
Bảo hiểm xã hội	548.619.921	392.454.240
Bảo hiểm y tế	-	46.440
Bảo hiểm thất nghiệp	716.935	745.260
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	156.607.114	158.958.068
Cộng	<u>2.853.557.878</u>	<u>2.478.888.559</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	814.815.867.261	718.902.603.080
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽¹⁾	67.671.324.971	53.428.261.006
-		



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	420.496.707.182	323.065.148.357
- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾	17.200.000.000	55.700.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đồng Tháp ^(iv)	44.280.000.000	42.884.512.000
- Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Cần Thơ ^(v)	26.050.000.000	32.470.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(vi)	119.900.076.611	92.155.981.567
- Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(vii)	57.360.000.000	66.315.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(viii)	16.562.586.178	10.776.967.251
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh ^(ix)	26.100.000.000	23.704.010.000
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Xuyên ^(x)	19.195.172.319	18.402.722.899
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	11.012.591.169	23.125.185.403
Cộng	<u>825.828.458.430</u>	<u>742.027.788.483</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh An Giang chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản và chế biến thức ăn thủy sản (phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản) với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9, V.10).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận theo từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, thời hạn vay từ 6 tháng đến 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9, V.10).

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á: vay bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị, nhà xưởng, quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9, V.10).

- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, nhu cầu phát hành bảo lãnh và chi tiêu Công ty với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.3, V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đồng Tháp chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh, xuất khẩu cá tra với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3, V.7).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Cần Thơ chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất, chế biến và nuôi cá tra với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng đối sản xuất, chế biến cá và 9 tháng đối với nuôi trồng và chế biến thức ăn. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (tên cũ Ngân hàng Natixis - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3, V.7).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh cá tra xuất khẩu với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu (xem thuyết minh số V.3).
- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh chi tiết như sau:
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động nuôi trồng thủy sản và sản xuất kinh doanh bao gồm: nuôi, mua cá nguyên liệu, mua cá giống, mua thức ăn thủy sản, mua nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay từ 6 đến 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nợ phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.3, V.7).
- (x) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long Xuyên chi tiết như sau:
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á: vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất thỏa thuận theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	718.902.603.080	1.038.345.523.661	-	(942.432.259.480)	814.815.867.261
Vay dài hạn đến hạn trả	23.125.185.403	-	5.500.000.000	(17.612.594.234)	11.012.591.169
Cộng	742.027.788.483	1.038.345.523.661	5.500.000.000	(960.044.853.714)	825.828.458.430



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn các bên liên quan	23.564.226.710	67.070.956.352
- Vay Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích ⁽ⁱ⁾	1.088.075.570	8.288.075.570
- Vay Ông Trần Tuấn Khanh ⁽ⁱ⁾	8.288.075.570	8.288.075.570
- Vay Ông Trần Tuấn Nam ⁽ⁱ⁾	8.288.075.570	8.288.075.570
- Vay Bà Trần Thị Thu Vân	-	3.906.729.642
- Vay Bà Trần Thị Vân Loan ⁽ⁱ⁾	5.900.000.000	38.300.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	31.577.376.217	21.159.030.742
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang ⁽ⁱⁱ⁾	22.818.087.251	21.159.030.742
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Long Xuyên ⁽ⁱⁱⁱ⁾	8.759.288.966	-
Cộng	55.141.602.927	88.229.987.094

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay dài hạn các bên liên quan chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang: vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân bên liên quan để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu, chế biến thủy sản và chi phí nuôi cá tra hầm với lãi suất theo thỏa thuận nhưng không được cao hơn lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định, thời hạn vay 02 năm.

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á: vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân bên liên quan để bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu, chế biến thủy sản và chi phí nuôi cá tra với lãi suất 0%, thời hạn vay 03 năm.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang chi tiết như sau:

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang: vay để thanh toán các chi phí của “Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Cửu Long An Giang - giai đoạn 2” với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.11).

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Long Xuyên chi tiết như sau:

Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Đông Á: vay để đầu tư mở rộng kho lạnh thuộc dự án nhà máy chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu với lãi suất 10%/năm (được áp dụng tới ngày 31/3/2016) và được điều chỉnh 06 tháng/lần (nếu có thay đổi), thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	42.589.967.386	11.012.591.169	31.577.376.217	-
Vay dài hạn các cá nhân	23.564.226.710	-	23.564.226.710	-
Cộng	66.154.194.096	11.012.591.169	55.141.602.927	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	44.284.216.145	23.125.185.403	21.159.030.742	-
Vay dài hạn các cá nhân	67.070.956.352	-	67.070.956.352	-
Cộng	111.355.172.497	23.125.185.403	88.229.987.094	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Kết chuyển sang vốn chủ sở hữu</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	21.159.030.742	15.918.345.475	-	(5.500.000.000)	-	31.577.376.217
Vay dài hạn các cá nhân	67.070.956.352	-	(3.906.729.642)	-	(39.600.000.000)	23.564.226.710
Cộng	88.229.987.094	15.918.345.475	(3.906.729.642)	(5.500.000.000)	(39.600.000.000)	55.141.602.927

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ phúc lợi	1.585.326.826	-	1.585.326.826
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.609.804.301	(1.094.387.000)	515.417.301
Cộng	3.195.131.127	(1.094.387.000)	2.100.744.127

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	468.802.213	309.021.650
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	44.312.130
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(375.887.683)	55.726.644
Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(92.914.530)	(409.060.424)
Số cuối kỳ	-	-

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả Công ty mẹ là 15% (kỳ trước thuế suất là 15%).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả Công ty con là 10% (kỳ trước thuế suất là 10%).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Trần Văn Nhân	10.524.370.000	10.524.370.000
Bà Trần Thị Vân Loan	75.784.390.000	39.784.390.000
Ông Trần Tuấn Khanh	10.794.360.000	10.794.360.000
Các cổ đông khác	130.893.630.000	122.893.630.000
Cộng	227.996.750.000	183.996.750.000

Trong kỳ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ với chủ nợ của Công ty theo tỷ lệ 1:1,111 (nghĩa là 1 đồng dư nợ đổi được 1,111 đồng vốn cổ phần theo mệnh giá) theo Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2016 ngày 12 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và Nghị quyết số 06/NQHĐQT-CLAG/2016 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng quản trị. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu theo mệnh giá là 44.000.000.000 VND, ghi giảm khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 39.600.000.000 VND và số chênh lệch 4.400.000.000 VND được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Ngày 05 tháng 7 năm 2016 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 227.996.750.000 VND.

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.799.675	18.399.675
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	22.799.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	22.799.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.799.675	18.399.675
- Cổ phiếu phổ thông	22.799.675	18.399.675
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang đã chi trả cổ tức năm 2015 (6%/mệnh giá) với số tiền là 11.039.805.000 VND theo Nghị quyết số 01/NQHĐQT-CLAG/2016 ngày 11 tháng 01 năm 2016 của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****23a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	296.845.500	296.845.500
Trên 01 năm đến 05 năm	1.187.382.001	1.187.382.001
Trên 05 năm	10.992.834.124	10.992.834.124
Cộng	<u>12.477.061.625</u>	<u>12.477.061.625</u>

Tập đoàn thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong 50 năm và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang công bố.

23b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	615.144,33	698.962,44
Euro (EUR)	469,08	467,53
Nhân dân tệ (CNY)	5.335,00	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	523.268.397.285	506.476.255.850
Doanh thu bán phụ phẩm	86.399.423.198	62.555.266.194
Cộng	<u>609.667.820.483</u>	<u>569.031.522.044</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Bán thức ăn	-	11.027.200.000
Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Bán thức ăn	8.128.000.000	5.634.760.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long		
Bán phụ phẩm	158.582.300	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	206.750.000	-
Hàng bán bị trả lại	431.747.000	-
Giảm giá hàng bán	797.041.950	555.288.730
Cộng	1.435.538.950	555.288.730

3. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp.

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	41.223.103	105.570.367
Lãi ứng trước	-	11.162.146
Lãi bán hàng trả chậm	492.610.499	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.236.925.578	2.521.975.828
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	110.282.728
Cộng	1.770.759.180	2.748.991.069

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.015.450.897	15.124.066.842
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	25.094.068	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.555.584.576	5.234.299.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	816.982.392	-
Cộng	30.413.111.933	20.358.365.844

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	17.339.915.706	14.385.003.739
Phí kiểm nghiệm, phí vi sinh	2.053.933.421	1.607.760.004
Phí vận chuyển	12.140.115.379	14.821.686.417
Các chi phí khác	2.460.900.466	2.770.764.251
Cộng	33.994.864.972	33.585.214.411



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.029.642.471	8.634.848.951
Chi phí đồ dùng văn phòng	292.586.434	255.224.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	460.114.236	424.543.979
Thuế, phí và lệ phí	356.262.490	329.926.352
Chi phí dự phòng	(65.532.378)	225.426.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.214.062.309	2.617.827.242
Các chi phí khác	2.239.224.673	1.922.135.380
Cộng	15.526.360.235	14.409.933.287

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch thanh toán	1.595.250	8.080
Thu tiền chiết khấu	16.574.250	-
Thu nhập khác	587.500	-
Cộng	18.757.000	8.080

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hỗ trợ	40.266.758	25.930.000
Chi mua quà biếu, thưởng lễ	377.406.663	201.025.597
Chi nộp phạt	56.097.021	310.761.321
Các chi phí khác	224.225.216	114.427.368
Cộng	697.995.658	652.144.286

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	78.952.264
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	415.518.271	68.209.438
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(17.824.074)	(23.225.620)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(375.887.683)	(90.606.892)
Cộng	21.806.514	33.329.190

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.309.358.032	12.914.322.771
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.309.358.032	12.914.322.771
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	18.423.851	18.399.675
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	560	702

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.399.675	18.399.675
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	24.176	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.423.851	18.399.675

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	501.521.998.193	398.048.969.971
Chi phí nhân công	78.286.916.939	58.377.580.979
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.173.349.245	16.498.953.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.250.128.959	47.309.224.853
Chi phí khác	5.765.867.861	2.930.550.742
Cộng	656.998.261.197	523.165.280.267

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ với chủ nợ của Công ty. Theo đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu theo mệnh giá là 44.000.000.000 VND, ghi giảm khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 39.600.000.000 VND và số chênh lệch 4.400.000.000 VND được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Ngày 31 tháng 3 năm 2014, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến ngày 31 tháng 7 năm 2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,42 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngày 07 tháng 01 năm 2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 10 (POR 10 từ ngày 01 tháng 8 năm 2012 đến ngày 31 tháng 7 năm 2013) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,97 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngày 29 tháng 3 năm 2016, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 11 (POR 11 từ ngày 01 tháng 8 năm 2013 đến ngày 31 tháng 7 năm 2014) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cá tra và cá basa của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang phải chịu mức thuế chống bán phá giá là 0,69 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Tập đoàn chưa xem xét đến ảnh hưởng của các vấn đề này khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Tập đoàn chỉ phát sinh các giao dịch khác với các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua cá nguyên liệu	9.858.953.385	-
Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	60.000.000.000
Vay tiền	-	9.067.296.422

Giá thành phẩm, dịch vụ cung cấp cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là giá thỏa thuận do Tập đoàn công bố trừ đi khoản chiết khấu. Việc mua thành phẩm, dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.14, V.18 và V.19b.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	584.915.538	597.077.591
Phụ cấp	345.000.000	349.038.000
Cộng	929.915.538	946.115.591

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long	Công ty có quan hệ mật thiết với Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản An Mỹ	Công ty có quan hệ mật thiết với Tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Trong kỳ Tập đoàn không phát sinh giao dịch khác với các bên liên quan khác (cùng kỳ năm trước chỉ có giao dịch về thuê gia công thức ăn thủy sản với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long với số tiền là 7.690.825.600 VND).

Giá thành phẩm, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Tập đoàn công bố trừ đi khoản chiết khấu. Việc mua thành phẩm, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến thức ăn và cá tra fillet đông lạnh. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là thương mại (doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	222.582.915.698	167.806.426.194
Nước ngoài	385.649.365.835	400.669.807.120
Cộng	608.232.281.533	568.476.233.314

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Tập đoàn có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Quwat Albahr For Trading với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 33,75% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 38,24%). Các khách hàng khác có số dư dưới 6,5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.602.361.102	-	-	-	46.602.361.102
Phải thu khách hàng	241.037.891.075	-	-	12.307.500.619	253.345.391.694
Các khoản phải thu khác	671.180.230	-	619.430.200	29.527.000	1.320.137.430
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	288.311.432.407	-	619.430.200	15.937.027.619	304.867.890.226
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.715.575.206	-	-	-	45.715.575.206
Phải thu khách hàng	257.188.720.613	-	-	12.402.559.997	269.591.280.610
Các khoản phải thu khác	756.418.247	-	619.430.200	-	1.375.848.447
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Cộng	303.660.714.066	-	619.430.200	16.002.559.997	320.282.704.263

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	31.844.799.490	-	-	31.844.799.490
Vay và nợ	825.828.458.430	55.141.602.927	-	880.970.061.357
Các khoản phải trả khác	4.046.956.881	-	-	4.046.956.881
Cộng	861.720.214.801	55.141.602.927	-	916.861.817.728
Số đầu năm				
Phải trả người bán	47.162.759.450	-	-	47.162.759.450
Vay và nợ	742.027.788.483	88.229.987.094	-	830.257.775.577
Các khoản phải trả khác	6.600.121.924	-	-	6.600.121.924
Cộng	795.790.669.857	88.229.987.094	-	884.020.656.951

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm	
	USD	EUR	CNY	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	615.144,33	469,08	5.335,00	698.962,44	467,53
Phải thu khách hàng	9.465.406,04	-	228.053,00	10.504.111,41	-
Các khoản phải thu khác	15.380,34	-	-	15.380,34	-
Phải trả người bán	(18.255,10)	-	-	(18.255,10)	-
Vay và nợ	-	-	-	(3.128.320,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	10.077.675,61	469,08	233.388,00	8.071.879,09	467,53

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ tăng/giảm 4.152.884.148 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 1.908.187.735 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 825.828.458.430 VND (số đầu năm là 666.801.653.449 VND và 3.128.320 USD).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 16.516.569.169 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 9.985.485.185 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Tập đoàn sẽ 0 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.461.002.400 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Tập đoàn đẩy mạnh phát triển vùng nuôi cá để chủ động nguồn nguyên liệu và quản lý rủi ro về giá nguyên liệu.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp một khoản nợ phải thu khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.3). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 220.175.407.596 VND (số đầu năm là 161.510.000.000 VND).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.602.361.102	-	45.715.575.206	-	46.602.361.102	45.715.575.206
Phải thu khách hàng	253.345.391.694	(12.307.500.619)	269.591.280.610	(12.402.559.997)	241.037.891.075	257.188.720.613
Các khoản phải thu khác	1.320.137.430	(29.527.000)	1.375.848.447	-	1.290.610.430	1.375.848.447
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.600.000.000	(2.003.536.957)	3.600.000.000	(1.978.442.889)	1.596.463.043	1.621.557.111
Cộng	304.867.890.226	(14.340.564.576)	320.282.704.263	(14.381.002.886)	290.527.325.650	305.901.701.377

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Phải trả người bán	31.844.799.490	47.162.759.450	31.844.799.490
Vay và nợ	880.970.061.357	830.257.775.577	880.970.061.357	830.257.775.577
Các khoản phải trả khác	4.046.956.881	6.600.121.924	4.046.956.881	6.600.121.924
Cộng	916.861.817.728	884.020.656.951	916.861.817.728	884.020.656.951

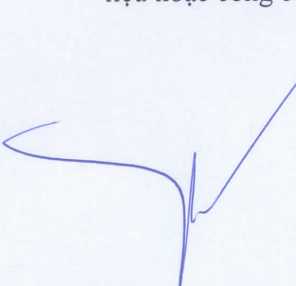
Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

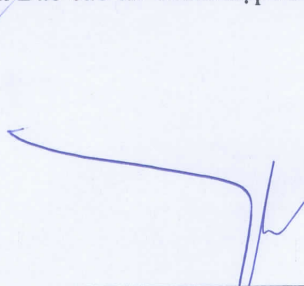
Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


Trương Minh Duy
Người lập biểu


Trương Minh Duy
Kế toán trưởng


Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

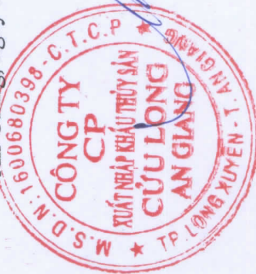
Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Điều chỉnh các năm trước (*)	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	11.892.753	(11.892.753)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	537.429.570	503.428.162	885.119.716	(871.863.784)	(716.275.077)	-	669.017.737
Thuế thu nhập cá nhân	8.682.993	15.166.906	58.553.776	(60.304.475)	-	6.939.020	15.173.632
Tiền thuế đất	-	-	291.266.220	(291.266.220)	-	-	-
Thuế tài nguyên	627.420	-	64.996.270	(64.679.050)	-	944.640	-
Các loại thuế khác	672.900	-	546.188.560	(539.734.100)	-	7.127.360	-
Cộng	547.412.883	518.595.068	1.858.017.295	(1.839.740.382)	(716.275.077)	15.011.020	684.191.369

(*) Khoản chênh lệch thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2015 do áp dụng thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ chế biến thủy sản theo Công văn 5181/BTC-TCT ngày 15 tháng 4 năm 2016

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2016



Trương Minh Duy
Người lập biểu

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng

Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỨU LONG AN GIANG

Địa chỉ: 90 Hùng Vương, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	183.996.750.000	19.920.224.200	13.724.355.427	62.747.163.143	280.388.492.770
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	12.914.322.771	12.914.322.771
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	(9.199.837.500)	(9.199.837.500)
Số dư cuối kỳ trước	183.996.750.000	19.920.224.200	13.724.355.427	66.461.648.414	284.102.978.041
Số dư đầu năm nay	183.996.750.000	19.920.224.200	14.474.464.592	81.929.880.451	300.321.319.243
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	10.309.358.032	10.309.358.032
Phát hành cổ phiếu chuyển đổi	44.000.000.000	(4.400.000.000)	-	-	39.600.000.000
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	(11.039.805.000)	(11.039.805.000)
Trích lập quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	227.996.750.000	15.520.224.200	14.474.464.592	81.199.433.483	339.190.872.275

Đơn vị tính: VND

An Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2016



Trần Thị Vân Loan
Tổng Giám đốc

Trương Minh Duy
Kế toán trưởng

Trương Minh Duy
Người lập